

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2022/DS-ST
Ngày 30-3-2022
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lại Thị Ngọc Liên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh;
2. Ông Nguyễn Ngọc Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Vân, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 3 năm 2022, tại Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 205/2021/TLST-DS ngày 12/10/2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2022/QĐXXST-DS 14/02/2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Bùi Thế D, sinh năm 1968; địa chỉ: Số 564/11/8 Đại Lộ D, tổ 91, khu phố 7, phường H, thành phố M, tỉnh B. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Ngọc P, sinh năm 1963; địa chỉ: Số 156/3 đường Phan Đăng L, tổ 37, khu phố 5, phường A, thành phố M, tỉnh B. Vắng mặt.

3. *Người làm chứng:* Chị Nguyễn Thị Tuyết N, sinh năm 1986; địa chỉ: Số 156/9 đường Phan Đăng L, tổ 37, khu phố 5, phường A, thành phố M, tỉnh B. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 20/8/2019, lời khai trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn ông Bùi Thế D trình bày:

Vào ngày 03/7/2018, ông Bùi Thế D cho bà Nguyễn Ngọc P vay số tiền 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng). Khi cho vay, bà P không cầm cố, thế chấp tài sản gì cho ông D. Hai bên có làm giấy mượn tiền, thời hạn vay từ ngày

03/7/2018 đến ngày cuối tháng 11/2018, lãi suất thoả thuận miệng là 2%/tháng và trả vào ngày 03 tây hàng tháng. Việc vay tiền có con gái của bà P là chị Nguyễn Thị Tuyết N chứng kiến và ký tên làm chứng. Ngày 12/9/2018, bà Phụng vay thêm 10.000.000 đồng và hẹn đến tháng 11/2018 sẽ trả đủ, không thoả thuận lãi suất. Sau khi nhận tiền từ ông D cho đến nay, bà P không thanh toán bất kỳ khoản tiền nào mặc dù ông Dũng đã nhiều lần yêu cầu bà P trả tiền. Ông D xác định bà N chỉ là người làm chứng, bà N không vay tiền và không nhận tiền của ông D.

Do bà P không trả tiền nên ông D khởi kiện yêu cầu bà P thanh toán toàn bộ số tiền nợ gốc đã vay là 40.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất.

Chứng cứ nguyên đơn cung cấp: 01 giấy mượn tiền ngày 03/7/2018 và ngày 12/9/2018.

Quá trình tố tụng, bị đơn bà Nguyễn Ngọc P đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý, triệu tập hợp lệ để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 10/02/2022 và tham gia phiên tòa vào các ngày 11/3/2022 và ngày 30/3/2022 nhưng bà P không đến Tòa án làm việc, không cung cấp lời khai, không có yêu cầu phản tố nào, không cung cấp chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Người làm chứng bà Nguyễn Thị Tuyết N đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhưng bà Nhung không đến Tòa án làm việc, không cung cấp lời khai.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố M: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến tại phiên tòa, Tòa án và nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định. Về nội dung: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị Bích T là vợ của ông Bùi Thế D. Quá trình tố tụng, bà T xác định không liên quan gì đến số tiền ông D cho bà P vay, đồng thời bà T đề nghị Tòa án không đưa bà vào tham gia vụ án với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Theo đơn khởi kiện, ông D xác định bà N là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Tuy nhiên, quá trình tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm, ông Dũng xác định bà Nhung chỉ chứng kiến việc ông Dũng cho bà P vay tiền, bà N không vay tiền và không nhận tiền của ông D. Vì vậy, Tòa án không đưa bà T và bà N vào tham gia vụ án với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Bị đơn bà Nguyễn Ngọc P đã được triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa nhưng bà P vắng mặt. Căn cứ Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung: Nguyên đơn xác định đã cho bà Nguyễn Ngọc P vay tiền tổng cộng 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng) thể hiện tại Giấy mượn tiền lập ngày 03/7/2018 và 12/9/2018 có chữ ký của bà Nguyễn Ngọc P, thời hạn vay từ ngày 03/7/2018 đến ngày cuối tháng 11/2018, lãi suất thoả thuận miệng là 2%/tháng và trả lãi vào ngày 03 tây hàng tháng, không thế chấp tài sản. Quá trình vay tiền, bà Nguyễn Ngọc P chưa trả tiền nợ gốc cũng như nợ lãi. Bị đơn vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng, không cung cấp lời khai và chứng cứ chứng minh bị đơn không vay tiền hoặc đã thanh toán, xem như từ bỏ quyền chứng minh của mình. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền lãi và nợ gốc khi đến hạn, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bên cho vay. Vì vậy việc nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải thanh toán tiền nợ gốc 40.000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận. Nguyên đơn không yêu cầu tính lãi suất nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Từ những phân tích trên, có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố M.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 144, Điều 147, Điều 228, Điều 238 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Điều 463, 466, 357, 468, 470 của Bộ luật Dân sự 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Bùi Thế D đối với bị đơn bà Nguyễn Ngọc P về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Buộc bà Nguyễn Ngọc P phải thanh toán cho ông Bùi Thế D số tiền 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Nguyễn Ngọc P phải nộp 2.000.000 đồng (hai triệu đồng).

- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố M, tỉnh B hoàn trả cho ông Bùi Thế D 1.000.000 đồng (một triệu đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0000503, ngày 23/9/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố M, tỉnh B.

3. Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự ;
- TAND tỉnh B;
- VKSND thành phố M;
- Chi cục THADS thành phố M;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lại Thị Ngọc Liên